

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LỘC VŨ DƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LỘC VŨ DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LOC VU DUONG CONSTRUCTION AND TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108807335

3. Ngày thành lập: 31/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 21 ngõ 6 Cầu Đơ 4 , Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu, ví như độ chịu lực, độ bền, độ dày, năng lực phóng xạ...	7120
2.	Cho thuê xe có động cơ	7710
3.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
4.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Việc cung cấp các nhân viên đáp ứng dịch vụ tổng hợp theo yêu cầu của khách hàng)	8110
5.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
6.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
7.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
8.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
9.	Hoạt động thể thao khác (Hoạt động liên doanh đến thúc đẩy các sự kiện thể thao)	9319
10.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
11.	Dịch vụ ăn uống khác (Cung cấp xuất ăn theo hợp đồng)	5629
12.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán rượu, bia, quầy bar; Quán cà phê, giải khát	5630
13.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
14.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

15.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Tổ chức sự kiện, dàn dựng sân khấu biểu diễn văn hóa, văn nghệ, lễ hội, xúc tiến thương mại và quản lý các sự kiện)	8230
16.	Quảng cáo (Trừ các hoạt động liên quan đến báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình)	7310
17.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
18.	Xây dựng nhà để ở	4101
19.	Xây dựng nhà không để ở	4102
20.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
21.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
22.	Phá dỡ	4311
23.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
24.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
25.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê.	4299
26.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
28.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác; Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ	4933
29.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

30.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chông ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng	4390
31.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752
32.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; -Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; -Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; -Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; -Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện	4759
33.	Xây dựng công trình công ích khác (loại trừ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan)	4229
34.	Xây dựng công trình điện	4221
35.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
36.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
37.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740

38.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh.	7730
39.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
40.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: - Sản xuất bê tông đúc sẵn, xi măng hoặc các sản phẩm đá nhân tạo sử dụng trong xây dựng như: Ngói, đá lát tường, gạch, tấm, thanh, ống... - Sản xuất các hợp chất xây dựng đúc sẵn dùng trong xây dựng hoặc xây dựng dân dụng từ đá, xi măng hoặc đá nhân tạo; - Sản xuất các sản phẩm vữa dùng trong xây dựng như: Dạng tấm, bảng, thanh; - Sản xuất nguyên liệu xây dựng từ thực vật (gỗ, sợi thực vật, rơm, rạ, bấc) được trộn với xi măng, vôi, vữa và các khoáng khác; - Sản xuất các sản phẩm khác như: chậu hoa, bức phù hiệu, tượng từ bê tông, vôi, vữa, xi măng hoặc đá nhân tạo; - Sản xuất vữa bột; - Sản xuất bê tông trộn sẵn và bê tông khô.	2395
41.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)
42.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi	4931
43.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
44.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
45.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
46.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)	5610
47.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610

48.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; -Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày. -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) -Bán buôn máy móc, thiết bị y tế -Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; -Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; -Bán buôn máy móc, thiết bị phòng cháy - chữa cháy.	4659
49.	Đại lý du lịch	7911
50.	Điều hành tua du lịch	7912
51.	Khai thác quặng sắt	0710
52.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
53.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
54.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ	3100
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
56.	Lập trình máy vi tính	6201
57.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
58.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
59.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
60.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện -Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự -Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm.	4649

61.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác -Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng ; -Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng: -Thang máy, cầu thang tự động, -Các loại cửa tự động, -Hệ thống đèn chiếu sáng, -Hệ thống hút bụi, -Hệ thống âm thanh, -Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; - Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống trộm, camera quan sát, hệ thống chống sét. Lắp đặt bảng hiệu quảng cáo	4329
62.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Tư vấn, thiết kế phòng cháy chữa cháy (theo nghị định số 79/2014/NĐ-CP); Tư vấn thiết kế nhà và công trình. - Hoạt động kiến trúc; - Hoạt động đo đạc và bản đồ; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng kinh doanh của công ty (Điều 28 Luật Thương mại)	8299
64.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế trang trí nội thất công trình; - Hoạt động trang trí nội thất công trình.	7410
65.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa; (không bao gồm: đại lý chứng khoán, bảo hiểm, môi giới tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, hoạt động bán đấu giá tài sản)	4610
66.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Nghiên cứu khoa học và công nghệ phòng cháy chữa cháy; - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về công nghệ khác - Dịch vụ chuyển giao công nghệ (Điều 28 Luật Chuyển giao công nghệ)	7490

67.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn bình chữa cháy; Bán buôn thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động; Bán buôn thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy; Bán buôn xe chữa cháy. Bán buôn mực bơm. Nạp bình cứu hỏa; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép.	4669
68.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
69.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
70.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
71.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất máy bơm chữa cháy, ô tô chữa cháy, thiết bị chữa cháy, máy chuyên dùng chữa cháy.	3290
72.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Bơm, nạp bình chữa cháy.	3319
73.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt máy ngành may;	3320
74.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
75.	Khai thác và thu gom than non	0520
76.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
77.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
78.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
79.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
80.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
81.	Sản xuất giày, dép	1520
82.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
83.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
84.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
85.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
86.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
87.	Sản xuất sợi	1311
88.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
89.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
90.	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Dạy nghề may, thêu (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);	8532
91.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
92.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

93.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác. - Bán buôn động vật sống. - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa).	4620
94.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
95.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư.	6619
96.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: - Sản xuất phân bón như: Phân đạm ni tơ nguyên chất hoặc hỗn hợp, phân lân hoặc phân kali; Phân urê, phân lân thô tự nhiên và muối kali thô tự nhiên; - Sản xuất sản phẩm có chứa ni tơ như: Axit nitric và sunphua nitric, amoni, amoni clorua, amoni cacbonat, kali nitorat. - Sản xuất đất có than bùn làm thành phần chính; - Sản xuất đất là hỗn hợp của đất tự nhiên, cát, cao lanh và khoáng (đất sinh học để trồng cây); - Sản xuất than tổ ong; - Sản xuất than trấu, than thiêu kết.	2012
97.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại Chi tiết: Việc xử lý trước khi tiêu hủy và xử lý khác đối với các chất thải rắn và không rắn không độc hại, như: + Hoạt động của các khu đất dùng cho tiêu hủy rác thải không độc hại, + Tiêu hủy rác thải không độc hại bằng cách đốt cháy hoặc thiêu hủy hoặc bằng các phương pháp khác có hoặc không có dẫn đến sản xuất điện hoặc hơi nước, các nhiên liệu thay thế, khí đốt sinh học, tro, tro bay hoặc các sản phẩm cho mục đích sử dụng khác, + Xử lý rác thải hữu cơ để tiêu hủy. + Sản xuất phân compôt từ chất thải hữu cơ.	3821

98.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; - Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân; - Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học; - Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt; - Hủy bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác; - Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác.	3900
99.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại Chi tiết: Việc lọc bỏ xử lý trước khi đưa vào tiêu hủy các chất thải độc hại dạng rắn và không rắn, gồm các chất thải như chất gây nổ, chất gỉ sét, dễ cháy, chất độc, kích thích, chất gây ung thư, chất phá hủy dần, chất lây nhiễm và các chất khác có hại cho sức khỏe con người và môi trường.	3822
100.	Tái chế phế liệu	3830
101.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: - Sản xuất thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, thuốc diệt côn trùng gặm nhấm, thuốc diệt cỏ; - Sản xuất các sản phẩm chống mọc mầm, máy điều chỉnh tốc độ phát triển của cây; - Sản xuất chất tẩy uế (cho nông nghiệp và cho các mục đích sử dụng khác); - Sản xuất các sản phẩm hoá nông khác chưa phân vào đâu.	2021
102.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
103.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
104.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
105.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
106.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
107.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
108.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
109.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
110.	Thu gom rác thải độc hại	3812
111.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
112.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
113.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
114.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074

115.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
116.	Sản xuất chè	1076
117.	Sản xuất cà phê	1077
118.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
119.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
120.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
121.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
122.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
123.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	THÂN THÁI HÀ	Tổ 35 cụm 5, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.530.000	15.300.000.000	51,000	022074000001	
			Tổng số	1.530.000	15.300.000.000	51,000		
2	VŨ THỊ THÙY DƯƠNG	71 ngõ 41 Khương Đình, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.440.000	14.400.000.000	48,000	001179015880	
			Tổng số	1.440.000	14.400.000.000	48,000		
3	VŨ THẾ MẠNH	Số 21 ngõ 6 tổ dân phố 4, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	1,000	001082021164	
			Tổng số	30.000	300.000.000	1,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ THỊ THUY DƯƠNG**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *08/01/1979*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001179015880*

Ngày cấp: *18/05/2018*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐLQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *71 ngõ 41 Khương Đình, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *71 ngõ 41 Khương Đình, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

* Họ và tên: **THÂN THÁI HÀ**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *30/08/1974*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *022074000001*

Ngày cấp: *04/05/2013*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 36 cụm 5, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 36 cụm 5, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*